

Bản án số: 216/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Bé;**
2. Ông **Tôn Phước Thuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 536/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 436/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp K Q1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1989; ấp K Q1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày: Anh và chị **N** do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau. Anh chị không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị **N**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Khánh N**, sinh ngày 10/7/2017. Hiện cháu **N** đang sống chung với anh **H**. Khi ly hôn anh yêu cầu

được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc N kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp ngày 17/10/2016 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, lối sống, tính tình không hợp và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, ông H yêu cầu ly hôn với bà N.

Xét thấy, từ khi ông H gửi đơn yêu cầu ly hôn, bà N không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, ông H xác định không còn tình cảm với bà N, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, nên ông H yêu cầu ly hôn đối với bà N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N - Sinh ngày 10/7/2017, hiện cháu N đang sống với ông H. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu N sống với ông H vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N, nghĩ nên tiếp tục giao cháu N cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Ngọc N.

- Ông Nguyễn Văn H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N - Sinh ngày 10/7/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị vắng mặt, cũng N không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc N cư trú ấp Kiến Quới 1, xã Kiến Thành, Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân Hện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa Nng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh H và chị N sống chung với nhau vào năm 2016 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân xã B T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh và chị N không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay, N vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa anh H, chị N không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh H yêu cầu ly hôn với N, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, anh H xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 10/7/2017. Hiện cháu N đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu N sống ổn định với anh H vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị N cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, Nng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị N trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145/2016 ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân xã Bình Thạnh, Hện Cao Lãnh, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 10/7/2017. Chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh chị Nguyễn Thị Ngọc N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, Nng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị N trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008645 ngày 02.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Anh Nguyễn Văn H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã B T, huyện C L;
tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn